

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28/4/2020

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa  
Chị Lưu Thị M và Anh Phạm Ngọc T”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tường.
2. Ông Hứa Ngọc Cương.

*Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/3/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/3/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2020, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn: Chị Lưu Thị M, sinh năm: 1983;*

*Địa chỉ: Số nhà 30, tổ 15, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang*

*\* Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1979;*

*Địa chỉ: Số nhà 30, tổ 15, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.*

*(Chị M có mặt tại phiên tòa;*

*anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa Chị Lưu Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phạm Ngọc T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định ngày 24/01/2002 tại UBND phường P, thành phố Q. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống tại phường P, thành phố Q, có nhà ở riêng trên đất của gia đình nhà anh T. Cuộc sống

chung vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống không có tình cảm. Anh T là người sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2017 đến nay chị và anh T sống ly thân, không còn tình cảm cũng không quan tâm đến nhau nữa. Anh T đi huyện Đ, tỉnh Phú Thọ làm ăn, hàng tháng anh T có về thăm nhà nhưng cứ về rồi lại đi luôn. Chị thỉnh thoảng đưa con trai bé xuống thăm anh T rồi mẹ con lại về. Đến nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm với nhau nữa, mâu thuẫn không thể hòa giải được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lưu Thị M xác định chị và anh T có 02 con chung, cháu Phạm Nghĩa H, sinh ngày 15/3/1999; cháu Phạm Chiến T, sinh ngày 21/7/2008. Cháu H hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập, Cháu H cũng đã có gia đình riêng, không đề nghị xem xét về phần nuôi dưỡng cháu H. Riêng đối với cháu T, năm nay cháu học lớp 6, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Chiến T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T và cũng không cản trở việc anh T đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lưu Thị M xác định vợ chồng tự thỏa thuận về phân tài sản, đất đai chung; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi Anh Phạm Ngọc T đến để giải quyết vụ án; văn bản tố tụng Tòa án gửi theo đường bưu điện và niêm yết theo quy định nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân thành phố Q tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của chị M và anh T, kết quả xác minh thể hiện chị M và anh T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại tổ 15, phường P; hiện nay chị M và các con đều ở nhà còn anh T thì đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà. Chị M và anh T có nhà riêng xây dựng trên đất của bà Hồi, là mẹ đẻ anh T; anh chị em và mẹ đẻ anh T hiện vẫn cư trú tại tổ 15, phường P, ở cùng khu với nhà anh T chị M. Do vậy, việc anh T không đến Tòa án để làm việc là anh T cố ý trốn tránh nhằm gây khó dễ cho việc chị M xin ly hôn với anh T.

Qua xác minh tại địa phương về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung giữa Chị Lưu Thị M và Anh Phạm Ngọc T thể hiện: Chị Lưu Thị M và Anh Phạm Ngọc T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn thì cùng chung sống tại tổ 15, phường P, thành phố Q. Nhưng mâu thuẫn của chị M và anh T cụ thể địa phương không nắm được, chỉ thấy anh T thường xuyên vắng nhà, vào dịp đầu năm 2020 do Công an huyện Đ, tỉnh Phú Thọ về xác minh việc anh T bị tai nạn giao thông thì địa phương nắm được là anh T đi làm ăn tại huyện Đ. Anh T và chị M không có đất đai chung tại địa phương, tài sản và vay nợ chung địa phương không nắm được. Việc giải quyết ly hôn của chị M và anh T địa phương không có ý kiến gì.

Cháu Phạm Nghĩa H khai nội dung: Trong quá trình chung sống thường xuyên thấy bố mẹ cãi vã, đến cuối năm 2017 thì anh T (bố đẻ của cháu H) đi huyện Đ, tỉnh Phú Thọ làm ăn. Từ đó đến nay bố mẹ không chung sống với nhau nữa, anh T thỉnh thoảng có về nhà, chị M thỉnh thoảng đưa cháu T xuống Đ thăm bố.

Cháu Phạm Chiến T khai nội dung: Cháu không biết rõ về việc bố mẹ mâu thuẫn, nhưng hiện nay bố mẹ cháu (chị M, anh T) không còn chung sống với nhau. Bố cháu đi làm ăn ở Đ, thỉnh thoảng về thăm nhà, có ngày nghỉ hoặc hè mẹ cháu có đưa cháu xuống thăm bố. Nếu bố mẹ cháu không chung sống nữa cháu vẫn muốn được sống với mẹ cháu. Anh trai cháu đã lấy vợ hiện đi tỉnh Yên Bái làm ăn, nhà chỉ còn hai mẹ con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho Chị Lưu Thị M được ly hôn với Anh Phạm Ngọc T. Giao cháu Phạm Chiến T, sinh ngày 21/7/2008 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không đề nghị xem xét giải quyết; Chị Lưu Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa của Chị Lưu Thị M và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị M và Anh Phạm Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị Lưu Thị M xử cho chị M được ly hôn với Anh Phạm Ngọc T.

[2] Về con chung: Lời khai của Chị Lưu Thị M và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, chị M và Anh Phạm Ngọc T có 02 con chung, cháu Phạm Nghĩa H, sinh ngày 15/3/1999; cháu Phạm Chiến T, sinh ngày 21/7/2008.

Cháu Phạm Nghĩa H hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, sống tự lập, đã có gia đình riêng. Không xem xét về phần nuôi con chung đối với cháu Hưng.

Cháu Phạm Chiến T chưa đủ 18 tuổi, từ năm 2017 đến nay chị M và anh T sống ly thân, anh T đi làm ăn xa, cháu T do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cuộc sống của cháu ổn định, cháu được đi học và đảm bảo các điều kiện phát triển. Đồng thời, cháu T có ý kiến muốn ở với chị M. Do đó, giao cháu Phạm Chiến T là con chung của chị M và anh T cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của cháu T

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lưu Thị M xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai; không có vay nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của Anh Phạm Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Phạm Ngọc T vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị M và anh T, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh T vắng mặt là cố ý trốn tránh việc giải quyết ly hôn, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án. Các thủ tục tổng đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên cố ý vắng mặt.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lưu Thị M được ly hôn với Anh Phạm Ngọc T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Phạm Chiến T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2008, là con chung của Chị Lưu Thị M và Anh Phạm Ngọc T, cho chị M trực tiếp trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000178 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Phạm Ngọc T không phải nộp án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Phạm Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q;
- THADS thành phố Q;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thanh Huyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tường – Hứa Ngọc Cương**

**Lương Thanh Huyền**







